TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**
Số: 1234/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 18 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1034/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1990
Địa chỉ: Số 50/3C Đường số V, Tổ 5, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và: ông Trần Trọng P, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Số 50/3C Đường số V, Tổ 5, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P cùng xác định bà Đ và ông P có một con chung tên Trần Đại P1, sinh ngày 31/3/2013. Hai bên thống nhất giao con chung cho ông Trần Trọng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Trọng P không yêu cầu bà Trần Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P cùng xác nhận không có.

- Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P phải chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự Đ ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P thuận tình ly hôn "theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2012 Quyển số 01/2012 do Uỷ ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức cấp ngày 06 tháng 6 năm 2012 cho bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P".

- Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P cùng xác định bà Đ và ông P có một con chung tên Trần Đại P1, sinh ngày 31/3/2013. Hai bên thống nhất giao con chung cho ông Trần Trọng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Trọng P không yêu cầu bà Trần Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P có nghĩa vụ nộp, nhưng Đ cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Đ và ông Trần Trọng P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/003861 ngày 20 tháng 9 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

"Quyết định này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoà